

Bản án số: 544/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12-8-2024

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Tiểu Quỳnh
- Bà Trần Thị Thanh Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Loan - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Tú – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024; Thông báo dời ngày mở lại phiên tòa số: 26/TB-TA ngày 19/7/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1954

Địa chỉ: Số 108 đường N, phường T, quận N, thành phố C.

2. **Bị đơn:** Ông Hà Thế Q, sinh năm 1957

Địa chỉ: Số 18N, ấp 5B Tân T, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số: 18N đường 11N, khu phố 5, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh).

(bà Đoàn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông Hà Thế Q vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đoàn Thị T trình bày:

Bà và ông Hà Thế Q quen biết nhau qua gia đình mai mối, sau đó thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1980 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết

hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số: 352 do Ủy ban nhân dân phường A, thành phố C, tỉnh C cấp ngày 02/11/1980). Sau khi kết hôn bà và ông Q cùng sinh sống tại địa chỉ số: 18N, ấp 5B Tân T, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 18N đường 11N, Khu phố 5, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh). Cả hai chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bà biết được ông Q đã chung sống với người phụ nữ khác và có 01 con riêng trước khi cưới bà, nên sau khi biết được sự việc thì bà bỏ về nhà mẹ ruột của bà ở thành phố C sinh sống, cũng từ đó bà và ông Q cắt đứt mọi liên lạc từ năm 1980. Sau một thời gian bà có tìm mọi cách để liên lạc với ông Q, người thân của ông Q cũng như liên lạc với người thân, gia đình bạn bè ông Q nhưng cũng không liên lạc được hay có bất cứ tin tức gì của ông Q, không biết ông Q đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Do đó, bà đã có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố ông Hà Thế Q mất tích. Ngày 25/9/2023, Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố người mất tích số: 379/2023/QĐST-DS tuyên bố ông Hà Thế Q mất tích (quyết định đã có hiệu lực pháp luật). Kể từ khi có quyết định của Tòa án tuyên bố ông Q mất tích đến nay, bà cũng không có liên lạc hoặc tin tức gì của ông Hà Thế Q. Nay bà nhận thấy vợ chồng đã không còn chung sống quá lâu, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy bà khởi kiện xin ly hôn với ông Hà Thế Q để bà thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật và ổn định cuộc sống riêng. Về con chung: Bà Đoàn Thị T xác định không có. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đoàn Thị T xác định không có.

Đối với bị đơn ông Hà Thế Q: Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, nhưng ông Hà Thế Q vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ cho ông Hà Thế Q thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Q vẫn không có mặt, nên không tiến hành hòa giải được, không có tin tức.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Đoàn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Hà Thế Q.

Bị đơn ông Hà Thế Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vi phạm quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đoàn Thị T được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Đoàn Thị T có đơn khởi kiện về việc ly hôn với ông Hà Thế Q; nơi cư trú cuối cùng trước khi ông Hà Thế Q mất tích: Số 18N, ấp 5B Tân T, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số: 18N đường 11N, khu phố 5, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh). Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Đoàn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Hà Thế Q, Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai thông báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa (lần 2) tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và địa chỉ cư trú cuối cùng trước khi ông Q mất tích, nhưng vẫn vắng mặt không có tin tức gì. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3.1] Về hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 352 do Ủy ban nhân dân phường A, thành phố C, tỉnh C cấp ngày 02/11/1980 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Đoàn Thị T và ông Hà Thế Q là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về yêu cầu ly hôn của bà Đoàn Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Đoàn Thị T và ông Hà Thế Q tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn năm 1980. Theo bà Đoàn Thị T trình bày thì cả hai chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông Q có mối quan hệ mới bên ngoài và có cả con riêng, khi biết được thì bà bỏ về nhà mẹ ruột của bà ở Cần Thơ, cũng từ đó bà và ông Q cắt đứt mọi liên lạc từ năm 1980. Sau một thời gian thì bà có tìm mọi cách để liên lạc với ông Q, người thân của ông Q cũng như liên lạc với người thân, gia đình bạn bè ông Q nhưng cũng không liên lạc được hay có

bất cứ tin tức gì của ông Q, không biết ông Q đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Do đó, bà đã nộp đơn yêu cầu tuyên bố ông Hà Thế Q mất tích và Tòa án đã tuyên bố ông Hà Thế Q mất tích (theo Quyết định số: 379/2023/QĐST-DS ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh). Nay bà Đoàn Thị T có nguyện vọng ly hôn với ông Hà Thế Q để bà Thơ thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật và ổn định cuộc sống riêng. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và địa chỉ cư trú cuối cùng trước khi ông Hà Thế Q mất tích nhưng vẫn không có tin tức của ông Q, nên Hội đồng xét xử chấp nhận bà Đoàn Thị T được ly hôn với ông Hà Thế Q theo quy định tại Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.3] Về con chung: Bà Đoàn Thị T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đoàn Thị T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Đoàn Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Do bà Đoàn Thị T là người cao tuổi, nên được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đoàn Thị T.

- Về hôn nhân: Bà Đoàn Thị T được ly hôn ông Hà Thế Q (Giấy chứng nhận kết hôn số: 352 do Ủy ban nhân dân phường A, thành phố C, tỉnh C cấp ngày 02/11/1980).

- Về con chung: Bà Đoàn Thị T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đoàn Thị T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Đoàn Thị T chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Do bà Đoàn Thị T là người cao tuổi, nên được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đoàn Thị T và ông Hà Thế Q vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường T
(trước đây phường A) quận N,
thành phố C (GCNKH
số: 352 đăng ký ngày 02/11/1980);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (TK Thúy Loan).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA